

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HẢI DƯƠNG**

Bản án số: 18/2021/DS-ST

Ngày: 23/9/2021

“Tranh chấp chia di sản thừa kế”

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Đào.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Ngô Thị Thơm và ông Phạm Công Định.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Bích Thủy - thư ký Toà án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Thùy - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 07/2021/TLST-DS ngày 02 tháng 4 năm 2021 về việc tranh chấp chia di sản thừa kế theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2021/QĐST-DS ngày 06 tháng 8 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 19/2021/QĐST-DS ngày 06 tháng 9 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Nguyễn Công V, sinh năm 1977.

ĐKHKT và nơi cư trú: thôn N L, xã T K, huyện T K, tỉnh Hải Dương.

2. Bị đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1972.

ĐKHKT và nơi cư trú: thôn N L, xã T K, huyện T K, tỉnh Hải Dương.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+. Anh Nguyễn Công M, sinh năm 1976.

ĐKHKT: thôn N L, xã T K, huyện T K, tỉnh Hải Dương.

Nơi cư trú: Welschnonnengasse 11a – 55116 maiz brd Germany (Cộng hòa liên bang Đức).

+. Chị Nguyễn Phương Thu, sinh năm 1991.

ĐKHKT: thôn L Q Đ, xã K S, huyện G L, thành phố Hà Nội.

Anh V có mặt tại phiên tòa.

Chị T, anh M vắng mặt (vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt), chị T vắng mặt tại phiên tòa không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải cùng các tài liệu khác có trong hồ sơ, nguyên đơn anh Nguyễn Công V trình bày:

Bố anh là ông Nguyễn Công T , mẹ là bà Nguyễn Thị Th . Bố mẹ anh sinh được 03 người con là anh Nguyễn Công M , chị Nguyễn Thị T và anh (Nguyễn Công V). Năm 1984 bố mẹ anh ly hôn, đến năm 1990 bố anh kết hôn với bà Lưu Thị T và sinh được 01 người con chung là chị Nguyễn Phương Thu. Bố anh chết năm 2019, bà T chết năm 2013. Bố anh và bà T chết đều không để lại di chúc. Di sản thừa kế mà bố anh và bà T để lại là nhà đất tại thôn N L, xã T K, huyện T K, tỉnh Hải Dương. Tuy nhiên phần đất có diện tích 199m² tại thửa 381 tờ bản đồ số 09 là tài sản riêng của bố anh vì giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông Nguyễn Công T , nguồn gốc của thửa đất là do ông bà nội anh tặng cho riêng bố anh. Tài sản chung của bố anh và bà T là toàn bộ tài sản trên đất bao gồm nhà, công trình phụ và một số cây trồng. Thực tế bố anh và bà T kết hôn từ năm 1990 nhưng thời gian sống chung tại thửa đất rất ít, bà T vẫn sống tại gia đình nhà ngoại ở Gia Lâm, Hà Nội thỉnh thoảng mới về thăm bố anh, khi chết bà T cũng chết tại Gia Lâm, Hà Nội. Do vậy cả bà T và bốn anh chị em trong gia đình đều không có công sức gì đối với thửa đất. Sau khi bố anh chết anh chị em trong gia đình không tự phân chia được tài sản trên nên anh làm đơn khởi kiện đến Tòa và đề nghị Tòa án giải quyết. Chia di sản thừa kế của bố anh và bà T theo quy định của pháp luật (*Di sản của bố anh là thửa đất số 381 tờ bản đồ số 09 diện tích 199m² nhưng khi xem xét thẩm định tại chỗ, diện tích theo hiện trạng sử dụng là 252m². Di sản chung của bố anh và bà T là toàn bộ tài sản trên đất gồm: nhà, bếp, giếng nước, bể nước, chuồng lợn, sân bê tông, cổng sắt và một số cây trồng trên đất*) theo quy định của pháp luật cho 04 đồng thừa kế là anh, anh M , Chị T và chị T . Anh có nguyện vọng được hưởng toàn bộ di sản bằng hiện vật và có trách nhiệm thanh toán bằng tiền cho các đồng thừa kế khác. Anh được biết Chị T và anh M nhận phần di sản của bố anh và tự nguyện cho lại anh, anh nhất trí nhận, anh sẽ thực hiện nghĩa vụ thay anh chị nếu có. Đối với chi phí tố tụng, anh tự nguyện chịu cả không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn chị Nguyễn Thị T trình bày: Về họ tên bố mẹ đẻ, ngày mất và tên các anh chị em là con chung của bố mẹ, con riêng của bố và bà T , chị thống nhất với lời trình bày của nguyên đơn. Bố mẹ chị là ông Nguyễn Công T và bà Nguyễn Thị Th không còn người con chung, con riêng nào khác. Hiện nay mẹ anh vẫn còn sống, đang cư trú tại thôn N L, xã T K, huyện T K, tỉnh Hải Dương. Bà T chết năm 2013, bố chị chết năm 2019, cả hai chết đều không để lại di chúc. Chị Nguyễn Phương Thu hiện đang sinh sống ở đâu chị cũng như nguyên đơn đều không nắm được, chị chỉ biết chị T kết hôn với anh Cảnh và có HKTT tại thôn L Q Đ, xã K S, huyện G L, thành phố Hà Nội. Chị T bỏ đi đâu không để lại địa chỉ, còn anh Cảnh chuyển về Tứ Kỳ sinh sống cùng gia đình. Do vậy về địa chỉ nơi cư trú

của chị T , chị và nguyên đơn không cung cấp được cho Tòa án. Về di sản thừa kế của bố chị và bà T để lại, chị hoàn toàn nhất trí với phần trình bày của nguyên đơn. Toàn bộ diện tích đất tại thửa đất số 381 là tài sản riêng của bố chị, không liên quan đến bà T hay bất kỳ ai khác bởi đó là tài sản bố chị được ông bà nội tặng cho riêng, còn tài sản chung của bố chị và bà T là công trình, cây cối được xây dựng và trồng trên thửa đất. Sau khi bố chị và bà T chết anh chị em trong gia đình cũng đã họp bàn về việc phân chia nhưng chị không đồng ý bởi chị mong muốn anh em sẽ thỏa thuận được, không cần thiết phải khởi kiện đến Tòa án giải quyết. Tuy nhiên Anh V không đồng ý và khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết chia di sản thừa kế của bố chị và bà T theo quy định của pháp luật, Anh V có nguyện vọng được hưởng di sản bằng hiện vật và có trách nhiệm thanh toán bằng tiền cho các đồng thừa kế khác, chị nhất trí. Phần di sản chị được hưởng bao nhiêu, chị tự nguyện cho lại anh V . Anh V nhận di sản thì cũng phải thực hiện nghĩa vụ nếu có. Chị không có công sức đóng góp gì đối với khối di sản thừa kế nêu trên.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Anh Nguyễn Công M trình bày (anh M gửi văn bản trình bày về Tòa án, Tòa án tiến hành trưng cầu giám định và kết luận giám định khẳng định chữ ký trong bản tự khai anh M gửi về và các mẫu tài liệu so sách là do một người viết và ký): Anh là con đẻ của ông Nguyễn Công T và bà Nguyễn Thị Th . Bố mẹ anh sinh được ba người con như Anh V trình bày là chính xác. Bố mẹ anh ly hôn năm 1984, đến năm 1990 bố anh kết hôn với bà T và sinh được 01 người con chung là chị Nguyễn Phương Thu. Về thời gian chết, di sản thừa kế của bố anh và bà T anh thống nhất với phần trình bày của nguyên đơn. Ông T và bà T chết không để lại di chúc nên toàn bộ phần di sản thừa kế sẽ được chia theo pháp luật. Anh không có công sức đóng góp gì trong khối di sản trên, trường hợp anh được hưởng di sản thừa kế theo pháp luật là bao nhiêu, anh tự nguyện cho lại anh V , Anh V hưởng di sản thì cũng phải chịu nghĩa vụ nếu có. Hiện nay anh đang sinh sống tại Cộng hòa liên bang Đức nên không thể về Việt Nam tham gia tố tụng được, anh xin vắng mặt tất cả các buổi làm việc do Tòa án tổ chức, kể cả các phiên tòa xét xử.

Đối với chị Nguyễn Phương Thu: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhiều lần triệu tập chị Nguyễn Phương Thu đến tham gia tố tụng tại Tòa nhưng chị đều vắng mặt không có lý do. Theo xác nhận của UBND xã Kim Sơn, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội: Chị Nguyễn Phương Thu có hộ khẩu thường trú tại thôn L Q Đ, xã K S, huyện G L, thành phố Hà Nội. Tại thời điểm này chị không cư trú tại địa chỉ trên, theo người thân trong gia đình chị cung cấp thì chị đang sinh sống trong miền Nam nhưng không biết địa chỉ cụ thể nên không cung cấp được cho Tòa án. Mẹ chị T là bà Lưu Thị T chết năm 2013 và khai tử tại UBND xã, bố mẹ bà T là ông Lưu Văn Kh và bà Nguyễn Thị N đã chết từ lâu (chết trước bà T). Theo cung cấp của ông Lưu Văn Ch (là anh họ của chị T)

xác định: Hiện nay gia đình chị T không còn ai sinh sống tại ngôi nhà ở thôn Linh Quy Đông, chị T đã chuyển đến KonTum sống từ năm 2018, chị T sống với ai và làm công việc gì ông không nắm được. Anh chị em ruột, chồng con chị T đều sống tại Hải Dương. Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương có triệu tập chị T về tham gia tố tụng tại Tòa, ông đã đi hỏi nhiều người quen thì biết được số điện thoại của chị nhưng không liên lạc được, ông đã nhắn qua mạng xã hội để thông báo cho chị T biết việc Anh V đã khởi kiện chia di sản thừa kế tại Tòa án tỉnh Hải Dương, chị T chỉ nhắn lại là không về nhưng cũng không nói chị đang sinh sống ở địa chỉ nào. Ông cũng không có cách nào liên lạc với chị T, không nắm được nơi cư trú của chị để cung cấp cho Tòa án. Anh Đoàn Bá C (chồng chị T) xác định: Anh và chị T chuyển khẩu và đến sinh sống tại thôn Linh Quy Đông từ năm 2015. Hai vợ chồng sống chung được một thời gian thì chị T chuyển đi nơi khác sống, hiện nay chị sống và làm việc ở đâu anh cũng không biết, không cung cấp được cho Tòa án. Việc Anh V khởi kiện chia di sản thừa kế là việc riêng của gia đình anh V, anh không liên quan nên đề nghị Tòa án không liên hệ, triệu tập anh với bất kỳ tư cách gì.

Tòa án tiến hành xác minh tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện Tứ Kỳ và UBND xã Tân Kỳ, huyện Tứ Kỳ. Nội dung xác minh thể hiện: Ông Nguyễn Công T và bà Nguyễn Thị Th sinh được 03 người con là anh Nguyễn Công M, anh Nguyễn Công V, chị Nguyễn Thị T. Bà Thắc và Ông Tly hôn, sau đó Ông Tkết hôn với bà T sinh được 01 người con là chị Nguyễn Phương Thu. Chị T không đăng ký hộ khẩu thường trú tại xã Tân Kỳ, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương. Ông T chết năm 2019 và không để lại di chúc, bà T chết năm nào chính quyền địa phương không nắm được vì bà T không khai tử tại UBND xã. Về nguồn gốc thửa đất số 381 tờ bản đồ số 09 diện tích 199m² địa chỉ tại thôn N L, xã T K, huyện T K, tỉnh Hải Dương. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông Nguyễn Công T có nguồn gốc từ cụ Nguyễn Công S để lại (cụ S là bố đẻ của ông T). Theo bản đồ và sổ mục kê 299 thửa đất trên nằm trong thửa đất 129 tờ bản đồ số 10, đăng ký chủ sử dụng là ông Phạm Tá Cốc. Đến bản đồ và sổ mục kê 2000 thì thửa đất trang chấp nằm trong thửa 84, 85 tờ bản đồ số 09, đăng ký chủ sử dụng là cụ Nguyễn Công S. Sau này cụ Nguyễn Công S làm thủ tục tặng cho ông Nguyễn Công T diện tích 559m² đất tại hai thửa đất trên. Đến năm 2013 ông Nguyễn Công T làm thủ tục tặng cho con trai là Nguyễn Công M diện tích 360m², phần diện tích còn lại 199m² vẫn đăng ký sử dụng tên ông T. Ông T vẫn quản lý sử dụng nhà đất trên cho đến khi chết. Trong quá trình sử dụng Ông T cũng như các con Ông T không tranh chấp mốc với các hộ xung quanh. Theo hiện trạng xem xét thẩm định tại chỗ thì diện tích Ông T sử dụng thực tế là 252m², tuy nhiên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì Ông T chỉ được cấp 199m². Sở dĩ có sự chênh lệch về diện tích nói trên là do sai số trong quá trình đo đạc cũng như cách tính diện tích tại thời kỳ

cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là tính bằng phương pháp thủ công nên độ chính xác chưa cao. Khi giải quyết tranh chấp đề nghị Tòa án căn cứ vào hiện trạng sử dụng là 252m² để giải quyết. Thửa đất của Ông T không bị trừ vào đất ruộng 03. Ông T và bà T chết đều không để lại di chúc nên Anh V khởi kiện chia di sản thừa kế nhà đất trên, chính quyền địa phương không có ý kiến gì và đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật làm sao đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho các đương sự.

Bà Nguyễn Thị Th trình bày: Bà và Ông T kết hôn năm nào bà cũng không nhớ, bà và ông sinh được ba người con chung như nguyên đơn trình bày. Năm 1984 bà đã ly hôn với Ông T tại Tòa án nhân dân huyện Tứ Lộc, tỉnh Hải Hưng (nay là Hải Dương). Khởi tài sản mà nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết, bà không có công sức và không liên quan gì nên đề nghị Tòa án không triệu tập bà và cũng không đưa bà vào tham gia tố tụng tại Tòa.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương phát biểu quan điểm:

+. Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của những người tham gia tố tụng và những người tiến hành tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa chấp hành đúng quy định của BLTTDS. Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Chấp hành tương đối đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

+. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 623; 649; 650; 651 BIDS năm 2015; Điều 15 Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986; khoản 4 Điều 34; Điều 147; Điều 192 BLTTDS; Nghị quyết 326 quy định về mức thu, miễn giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Nguyễn Công V.

Đề nghị Tòa án phân chia phần di sản của bà T để lại là ½ giá trị công trình trên đất cho Ông T và chị T.

Đề nghị Tòa án phân chia di sản Ông T để lại là thửa đất số 381 diện tích 252m² và ½ giá trị công trình trên đất cộng với phần Ông T được hưởng di sản từ bà T cho 04 anh em gồm: anh M, anh V, Chị T, chị T. Về án phí: Đương sự phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra công khai tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, của đương sự, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về tố tụng.

+. Về thẩm quyền giải quyết: Anh Nguyễn Công M là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan hiện đang cư trú tại Công hòa Liên bang Đức. Căn cứ Điều

37 BLTTDS Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

+. Tại phiên tòa vắng mặt anh M , Chị T nhưng anh chị đều có đề nghị xét xử vắng mặt. Đối với chị T . Theo kết quả cung cấp của Cục xuất nhập cảnh – Bộ Công an, chị T không xuất cảnh đi nước ngoài. Tòa án đã niêm yết, tổng đạt các văn bản tố tụng trên phương tiện thông tin đại chúng theo quy định của BLTTDS nhưng chị T đều vắng mặt và không có ý kiến bằng văn bản gửi Tòa án liên quan đến yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp, không có yêu cầu độc lập. Theo hướng dẫn tại điểm a, b khoản 2 Điều 6 Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao và hướng dẫn tại mục 9 phần IV Công văn số 02/TANDTC-PC ngày 02/8/2021 về việc giải đáp một số thắc mắc trong xét xử thì trường hợp của chị T được xác định là cố tính giấu địa chỉ. Căn cứ khoản 3 Điều 228 BLTTDS, HĐXX tiến hành giải quyết vụ án vắng mặt chị T .

+. Về thời hiệu khởi kiện và cách chia di sản thừa kế: Bà Lưu Thị T chết năm 2013, ông Nguyễn Công T chết năm 2018, trước khi chết cả hai ông bà đều không để lại di chúc. Căn cứ Điều 184 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 623; Điều 650 Bộ luật dân sự; yêu cầu chia di sản thừa kế của anh Nguyễn Công V vẫn còn thời hiệu và di sản thừa kế được chia theo pháp luật.

+. Về hàng thừa kế: Trên cơ sở các lời khai có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa của các đương sự, có đủ cơ sở để xác định: Ông Nguyễn Công T kết hôn với bà Nguyễn Thị Th sinh được 03 người con. Năm 1984 ông bà ly hôn, năm 1990 ông kết hôn với bà T và sinh được 01 người con. Ngoài ra ông T , bà T không có người con chung, con riêng nào khác. Bà T chết trước Ông T nên thời điểm mở thừa kế là khác nhau. Căn cứ Điều 611; Điều 613; Điều 614; khoản 1 Điều 651 Bộ luật dân sự thì những người thừa kế theo pháp luật của bà T đều thuộc hàng thừa kế thứ nhất gồm: Ông Nguyễn Công T , chị Nguyễn Phương Thu. Hàng thừa kế của ông Nguyễn Công T gồm: Anh Nguyễn Công M , anh Nguyễn Công V , chị Nguyễn Thị T và chị Nguyễn Phương Thu.

[2] Về nội dung vụ án: Căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, HĐXX xét thấy:

2.1. *Đối với yêu cầu chia di sản thừa kế tại thửa đất số 381 tờ bản đồ số 09 diện tích 199m² tại thôn N L, xã T K, huyện T K, tỉnh Hải Dương.* Về nguồn gốc thửa đất: Căn cứ vào bản đồ 299 và sổ mục kê đất đai 299, bản đồ và hồ sơ năm 2000 của UBND xã Tân Kỳ, biên bản xác minh tại UBND xã Tân Kỳ, Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện Tứ Kỳ cũng như lời khai của các đương sự. HĐXX xác định, thửa đất số 381 có nguồn gốc từ cụ Nguyễn Công S

tách cho riêng ông Nguyễn Công T vào năm 2009. Mặc dù thời điểm này Ông T và bà T vẫn tồn tại quan hệ hôn nhân, hai ông bà đã xây dựng ngôi nhà kiên cố trên phần đất Ông T được tặng cho nhưng theo hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì phần diện tích đất Ông T được tặng cho riêng và UBND huyện Tứ Kỳ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho riêng ông T. Đến năm 2013 Ông T làm thủ tục tặng cho con trai là Nguyễn Công M một phần diện tích đất, phần còn lại 199m² là của ông T. Căn cứ Luật đất đai năm 2003 và Luật hôn nhân và gia đình năm 1986. HĐXX xác định toàn bộ diện tích đất tại thửa 381 tờ bản đồ số 09 là tài sản riêng của ông Nguyễn Công T. Trong quá trình chung sống Ông T và bà T có tạo lập được khối tài sản chung là toàn bộ công trình xây dựng và cây trồng trên thửa đất số 381 gồm: 01 căn nhà, 01 căn bếp, 01 giếng khơi, 01 bể nước; 01 chuồng lợn; sân bê tông; cổng sắt; phần lợp tôn; 01 cây na; 01 cây thanh long; 01 cây nhót; 01 cây mít và tường bao quanh thửa đất. Các đương sự đều thống nhất toàn bộ công trình, cây cối trên là do ông T, bà T tạo lập, không liên quan đến các con. Xét phần trình bày của các đương sự phù hợp với nhau, phù hợp với thực tế sử dụng đất nên HĐXX ghi nhận toàn bộ công trình và cây trồng trên thửa đất là tài sản chung hợp pháp của Ông T và bà T. Về công sức đóng góp với thửa đất. Anh V, anh M, Chị T đều khẳng định, các anh chị đều không có công sức gì duy trì thửa đất. Đối với bà T và chị T cũng không có công sức gì bởi thửa đất 381 Ông T được tặng cho riêng từ năm 2009, đến năm 2013 bà T chết. Hơn nữa, trong quá trình chung sống trước đây, bà T chủ yếu sinh sống tại gia đình nhà ngoại, còn chị T thì nhỏ tuổi nên HĐXX xác định không ai có công sức tôn tạo, duy trì thửa đất nên không xem xét giải quyết khi phân chia di sản theo quy định của pháp luật.

Về hiện trạng sử dụng đất. Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì thửa đất 381 có diện tích 199m², tuy nhiên khi tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ thì diện tích sử dụng là 252m². Sở dĩ có sự chênh lệch trên là do sai số trong quá trình đo đạc và cách thức tính diện tích. Tại thời điểm xem xét thẩm định kích thước các cạnh không có sự thay đổi so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà Ông T được cấp năm 2013 nhưng khi máy đo hiện trạng tính diện tích lại là 252m². Chính quyền địa phương xác định, thửa đất của Ông T đã xây dựng khuôn viên bao quanh, không tranh chấp với các hộ giáp ranh nên đề nghị Tòa án căn cứ vào hiện trạng sử dụng đất là 252m² để giải quyết. Do vậy, khi giải quyết vụ án, HĐXX xác định diện tích đất thuộc di sản thừa kế để phân chia là 252m² theo hiện trạng sử dụng để đảm bảo đúng quy định của pháp luật, đồng thời đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho các đương sự.

Về giá trị và phương thức phân chia di sản. Theo kết quả định giá của Hội đồng định giá thì giá trị đất là 352.800.000đ (252m² x 1.400.000đ/m² = 352.800.000đ); Công trình trên đất giá trị còn lại là 195.411.884đ; Cây trồng trên đất giá trị còn lại là 615.000đ. Tổng giá trị di sản là 548.826.884đ. (Trong

đó di sản của bà T để lại là 98.013.442đ được chia cho Ông T và chị T mỗi người được hưởng là 49.006.721đ. Di sản của Ông T để lại là 499.820.163đ được chia cho chị T, anh V, anh M và Chị T; mỗi đồng thừa kế được hưởng là 124.955.040đ. Phương thức chia di sản. Tại thời điểm này di sản thừa kế do Anh V trực tiếp quản lý. Anh V có nguyện vọng được hưởng di sản bằng hiện vật và có trách nhiệm thanh toán bằng tiền cho các đồng thừa kế khác. Chị T, anh M nhận di sản nhưng tự nguyện cho lại anh V, Anh V nhận. Xét sự cho nhận di sản trên là tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật nên được HĐXX ghi nhận. Theo quy định tại khoản 1, khoản 2 và khoản 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự về nghĩa vụ chứng minh thì nguyên đơn đã cung cấp cho Tòa án các tài liệu chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình là hợp pháp, đối với chị T đã được Tòa án thông báo hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không thể hiện quan điểm của mình là đồng ý hay phản đối bằng văn bản gửi Tòa án. Do vậy, Tòa án tiến hành giải quyết vụ án theo những chứng cứ đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án. HĐXX xét thấy anh M và Chị T để lại phần di sản của mình cho anh V, chị T không trình bày quan điểm của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, hơn nữa thừa đất trên không thể tách ra vì sẽ ảnh hưởng đến toàn bộ công trình xây dựng trên đất nên HĐXX sẽ giao cho Anh V được hưởng di sản bằng hiện vật và có trách nhiệm thanh toán bằng tiền cho chị Nguyễn Phương Thu là phù hợp với hiện trạng sử dụng đất, phù hợp với Luật đất đai và Quyết định số 22 của UBND tỉnh Hải Dương. Cụ thể, Anh V được quyền sử dụng 252m² đất và toàn bộ công trình, cây cối tại thửa đất số 381 tờ bản đồ số 09 tại thôn N L, xã T K, huyện T K, tỉnh Hải Dương. Anh V có trách nhiệm thanh toán bằng tiền cho chị T là 173.961.761đ (một trăm bảy mươi ba triệu, chín trăm sáu mươi một nghìn, bảy trăm sáu mươi một đồng).

2.2. Về nghĩa vụ ông T, bà T để lại trước khi chết: Các đương sự đều thống nhất trước khi chết, ông T, bà T không để lại nghĩa vụ về tài sản nào nên phần tài sản thừa kế của ông bà được chia cho các đồng thừa kế mà không phải thực hiện nghĩa vụ tài sản do người chết để lại.

2.3. Về chi phí tố tụng: Nguyên đơn tự nguyện chịu không yêu cầu HĐXX giải quyết nên HĐXX không phải xem xét giải quyết.

2.4. Về án phí: Áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Các đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ: Áp dụng: Điều 609, 611, 612, 613, 614, 623, 649, 650, 651, 660 của Bộ luật dân sự; Điều 184; Điều 228, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 100

Luật đất đai; Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Quyết định số 22/2018/QĐ-UBND ngày 01 tháng 10 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương. Xứ. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc chia di sản thừa kế của ông Nguyễn Công T, bà Lưu Thị T.

[1]. Xác định hàng thừa kế thứ nhất của bà T gồm: Ông T, chị T. Hàng thừa kế thứ nhất của Ông T gồm: Chị T, anh V, anh M, chị T.

[2]. Xác định di sản thừa kế của bà Lưu Thị T và ông Nguyễn Công T có tổng giá trị là: 548.826.884đ.

Chia di sản thừa kế theo quy định của pháp luật. Chị T được hưởng 173.961.761đ; anh V, Chị T, anh M mỗi kỹ phần được hưởng 124.955.040đ. Chấp nhận sự tự nguyện của chị Nguyễn Thị T, anh Nguyễn Công M cho anh Nguyễn Công V được hưởng phần di sản của anh chị. Về phương thức chia di sản: Giao cho anh Nguyễn Công V được quyền sử dụng 252m² đất tại thửa đất số 381 tờ bản đồ số 09, địa chỉ thôn N L, xã T K, huyện T K, tỉnh Hải Dương. Trên đất có các tài sản 01 nhà mái bằng, 01 chuồng lợn; 01 nhà bếp; 01 bể nước; 01 cổng; sân bê tông; 01 giếng khơi; phần lợp tôn; tường gạch xây xung quanh thửa đất; 01 cây na; 01 cây mít; 01 cây nhót; 01 cây thanh long. *(Phần diện tích đất được giao cho Anh V theo hình vẽ ABCGHKNM có tứ cạnh, phía Đông giáp đường; phía Nam giáp nhà anh M, anh Oanh; phía Tây giáp đường; phía Bắc giáp nhà chị Phương, bà Hiền- có sơ đồ kèm theo bản án)*. Anh V có trách nhiệm thanh toán cho chị Nguyễn Phương Thu số tiền **173.961.761đ** (một trăm bảy mươi ba triệu, chín trăm sáu mươi một nghìn, bảy trăm sáu mươi đồng) nhưng tạm giao cho Anh V tiếp tục quản lý. Anh V có trách nhiệm thanh toán cho chị T số tiền trên khi chị T hoặc người đại diện cho chị T yêu cầu.

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, Anh V có quyền đề nghị Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và sở hữu nhà đối với phần diện tích đất được giao.

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án chưa thi hành thì phải chịu trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự.

[3]. Án phí:

Anh Nguyễn Công V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 18.743.256đ nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí Anh V đã nộp là 1.250.000đ theo biên lai thu

tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0005820 ngày 01/4/2021 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương. Anh V còn phải nộp thêm số tiền án phí là 17.493.256đ.

Chị Nguyễn Phương T phải chịu 8.698.088 tiền án phí dân sự sơ thẩm.

[4]. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc Tòa án niêm yết bản án./.

Bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi yêu cầu hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hải Dương.
- Cục THADS tỉnh Hải Dương
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phạm Thị Đào

Nơi nhận:

- VKSND huyện Cẩm Giàng
- Chi cục THADSH. Cẩm Giàng
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phạm Thị Đào